

**NGHỊ QUYẾT**

**Về kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 sang năm 2023 các nguồn vốn ngân sách địa phương**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG  
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 12 (CHUYÊN ĐỀ)**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài;*

*Căn cứ Nghị quyết số 182/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng về phân bổ kế hoạch đầu tư năm 2022 vốn ngân sách địa phương, tỉnh Sóc Trăng;*

*Căn cứ Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng về phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và năm 2022 đợt 1 nguồn vốn tăng thu ngân sách tỉnh Sóc Trăng;*

*Căn cứ Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 20 tháng 5 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng về phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2022 đợt 2 nguồn vốn tăng thu ngân sách tỉnh Sóc Trăng;*

*Căn cứ Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 20 tháng 5 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2022 nguồn vốn bội chi ngân sách địa phương, tỉnh Sóc Trăng;*

*Căn cứ Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng về phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và năm 2022 từ nguồn tăng thu ngân sách tỉnh năm 2021 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, tỉnh Sóc Trăng;*

*Căn cứ Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng về phân bổ vốn ngân sách nhà nước năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;*

Căn cứ Nghị quyết số 52/NQ-HĐND ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng về phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2022 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

Căn cứ Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 14 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng về phân bổ vốn ngân sách nhà nước và kế hoạch vốn đầu tư công còn lại năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-HĐND ngày 14 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng về điều chỉnh kế hoạch đầu tư năm 2022 vốn ngân sách địa phương, tỉnh Sóc Trăng;

Căn cứ Nghị quyết số 73/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng về phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2022 đợt 3 nguồn vốn tăng thu ngân sách tỉnh Sóc Trăng;

Xét Tờ trình số 09/TTr-UBND ngày 17 tháng 02 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 sang năm 2023 các nguồn vốn ngân sách địa phương; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

### QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Thống nhất kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 sang năm 2023 các nguồn vốn ngân sách địa phương là 381.984 triệu đồng thuộc 69 công trình, dự án.

(Chi tiết theo các Phụ lục I, II, III, IV, V, VI, VII, VIII, IX đính kèm).

### Điều 2.

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ thường xuyên giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng Khóa X, Kỳ họp thứ 12 (chuyên đề) thông qua ngày 27 tháng 02 năm 2023./.

#### Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu;
- Văn phòng Quốc hội (Bộ phận phía Nam);
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- TT. TU, TT. HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh Sóc Trăng;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**



**Hồ Thị Cẩm Đào**



Phụ lục I

**TỔNG HỢP SỐ VỐN KẾ HOẠCH NĂM 2022 KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN  
VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2023**

(Kèm theo Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 27 tháng 02 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	Nguồn vốn	Số vốn kế hoạch năm 2022 kéo dài thời gian thực hiện sang năm 2023	Ghi chú
1	2	3	4
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>381.984</b>	
	<b>Vốn ngân sách địa phương</b>	<b>381.984</b>	
	<i>Trong đó:</i>		
-	Cân đối ngân sách địa phương và thu tiền sử dụng đất	223.798	
-	Xổ số kiến thiết	46.181	
-	Bội chi ngân sách địa phương	71.008	
-	Nguồn vốn 30% tăng thu ngân sách cấp tỉnh năm 2020	5.775	
-	Nguồn vốn tăng thu ngân sách tỉnh năm 2021 từ kết dư năm 2020	4.602	
	Nguồn vốn tăng thu ngân sách tỉnh năm 2021 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	948	
-	Nguồn vốn xổ số kiến thiết thu vượt dự toán năm 2021	29.122	
-	Nguồn vốn thu tiền sử dụng đất thu vượt dự toán năm 2021	550	



Phụ lục II

**DANH MỤC DỰ ÁN THUỘC KẾ HOẠCH NĂM 2022 KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN SANG NĂM 2023**

(Nguồn vốn Cân đối NSDP và thu tiền sử dụng đất thuộc phân cấp ngân sách tỉnh)

Kèm theo Nghị quyết số    /NQ-HDND ngày 27 tháng 02 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Đơn vị: Triệu đồng.

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Mã số dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2022	Số vốn kế hoạch đầu tư năm 2022 đã giải ngân đến hết ngày 31/01/2023	Số vốn kế hoạch năm 2022 đến hết ngày 31/01/2023 chưa giải ngân hết kế hoạch	Số vốn kế hoạch vốn năm 2022 chưa giải ngân và kéo dài thời gian thực hiện sang năm 2023
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	<b>TỔNG SỐ</b>					<b>1.167.416</b>	<b>352.103</b>	<b>127.827</b>	<b>224.267</b>	<b>223.798</b>
	<b>NGÂN SÁCH TỈNH QUẢN LÝ</b>					<b>1.167.416</b>	<b>352.103</b>	<b>127.827</b>	<b>224.267</b>	<b>223.798</b>
<b>I</b>	<b>Ban Quản lý dự án 1</b>					<b>156.000</b>	<b>65.000</b>	<b>25.181</b>	<b>39.819</b>	<b>39.819</b>
1	Dự án đầu tư Hạ tầng Khu tái định cư số 1 thành phố Sóc Trăng	TPST	7911796	2022-2025	3068/QĐ-UBND, 03/11/2021	156.000	65.000	25.181	39.819	39.819
<b>II</b>	<b>Ban Quản lý dự án 2</b>					<b>719.176</b>	<b>161.501</b>	<b>32.789</b>	<b>128.710</b>	<b>128.710</b>
1	Đường Nguyễn Trãi, Phường 1, thị xã Ngã Năm	Ngã Năm	7881019	2021-2023	1249/QĐ-UBND, 26/05/2021	75.000	25.000	19.977	5.022	5.022
2	Nâng cấp đường A1 (đoạn 939 qua thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa), huyện Mỹ Tú	Mỹ Tú	7868337	2021-2023	792/QĐ-UBND, 08/4/2021	64.000	25.000	11.418	13.582	13.582
3	Đường Vành đai I (đoạn từ ngã ba Lê Duẩn - Phạm Hùng, Phường 8 đến đường Trần Quốc Toản, Phường 6, thành phố Sóc Trăng)	TPST	7881018	2022-2025	3067/QĐ-UBND, 03/11/2021	580.176	111.501	1.394	110.106	110.106
<b>III</b>	<b>Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</b>					<b>13.280</b>	<b>1.208</b>	<b>518</b>	<b>688</b>	<b>688</b>
1	Công trình mở rộng đường ống cấp nước tập trung xã Châu Hưng	Huyện Thạnh Trị	8011822	2022-2023	2100/QĐ-UBND, 12/8/2022	3.320	302		302	302
2	Công trình mở rộng đường ống cấp nước tập trung xã Kế Thành	Huyện Kế Sách	7987389	2022-2023	2680/QĐ-UBND, 10/10/2022	3.320	302	174	127	127
3	Công trình mở rộng đường ống cấp nước tập trung xã Lâm Tân	Huyện Thạnh Trị	7987390	2022-2023	2679/QĐ-UBND, 10/10/2022	3.320	302	174	127	127
4	Công trình mở rộng đường ống cấp nước tập trung xã Mỹ Thuận	Huyện Mỹ Tú	7987391	2022-2023	2681/QĐ-UBND, 10/10/2022	3.320	302	170	132	132
<b>IV</b>	<b>Sở Giáo dục và Đào tạo</b>					<b>25.451</b>	<b>1.988</b>	<b>399</b>	<b>1.588</b>	<b>1.588</b>
1	Trường PTDTNT THCS & THPT Thạnh Phú	Mỹ Xuyên	7982498	2022-2023	2101/QĐ-UBND, 12/8/2022	11.182	441	220	221	221
2	Trường THCS DTNT Châu Thành	Châu Thành	7981180	2022-2023	2102/QĐ-UBND, 12/8/2022	7.494	171	109	62	62
3	Trường PTDTNT THCS Kế Sách	Kế Sách	7981179	2022-2023	2103/QĐ-UBND, 12/8/2022	6.775	1.376	70	1.305	1.305
<b>V</b>	<b>Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch</b>					<b>8.606</b>	<b>3.000</b>	<b>2.534</b>	<b>466</b>	<b>466</b>

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Mã số dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2022	Số vốn kế hoạch đầu tư năm 2022 đã giải ngân đến hết ngày 31/01/2023	Số vốn kế hoạch năm 2022 đến hết ngày 31/01/2023 chưa giải ngân hết kế hoạch	Số vốn kế hoạch vốn năm 2022 chưa giải ngân và kéo dài thời gian thực hiện sang năm 2023
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư				
1	Mua sắm thiết bị âm thanh, bàn ghế, dụng cụ TĐTT và tủ sách	Tỉnh Sóc Trăng	7978215	2022-2024	2104/QĐ-UBND, 12/8/2022	8.606	3.000	2.534	466	466
<b>VI</b>	<b>Sở Lao động - Thương binh và Xã hội</b>					<b>15.291</b>	<b>121</b>	<b>-</b>	<b>121</b>	<b>121</b>
1	Đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin để hiện đại hóa hệ thống thông tin thị trường lao động, hình thành sản phẩm dịch vụ làm trực tuyến và xây dựng các cơ sở dữ liệu	Tỉnh Sóc Trăng	7986626	2022-2024	2151/QĐ-UBND; 18/8/2022	15.291	121	-	121	121
<b>V</b>	<b>Sở Thông tin và Truyền thông</b>					<b>56.457</b>	<b>30.350</b>	<b>30.092</b>	<b>258</b>	<b>258</b>
1	Nâng cấp bổ sung nền tảng Chính phủ điện tử theo khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam 2.0; Nâng cấp, tích hợp, xây dựng, kết nối cơ sở dữ liệu dùng chung phục vụ Chính quyền điện tử và Đô thị thông minh	TPST	7864218	2021-2024	4169/QĐ-UBND, 30/12/2020	54.999	29.000	28.977	23	
2	Dự án Xây dựng Kho cơ sở dữ liệu dùng chung tỉnh Sóc Trăng; Công dịch vụ dữ liệu mở của Tỉnh; Số hóa dữ liệu Xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh Sóc Trăng	TPST		2022-2025	2270/QĐ-UBND, 01/9/2021	463	450	411	39	
3	Xây dựng phần mềm nền tảng, CSDL chuyên ngành của tỉnh kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu với trực liên thông tích hợp LGSP của tỉnh	TPST		2021-2025	954/QĐ-UBND, 12/4/2022	389	350	308	42	
4	Dự án Xây dựng và duy trì hoạt động Trung tâm giám sát an toàn thông tin tỉnh Sóc Trăng (SOC)	TPST		2021-2025	937/QĐ-UBND, 07/4/2022	258	220	148	72	
5	Dự án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa điện tử liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính	TPST		2021-2025	952/QĐ-UBND, 12/4/2022	348	330	248	82	
<b>VII</b>	<b>Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Sóc Trăng</b>					<b>2.157</b>	<b>2.150</b>	<b>649</b>	<b>1.501</b>	<b>1.501</b>
1	Dự án đầu tư xây dựng Khu vực phòng thủ tỉnh Sóc Trăng	TPST	7004686	2022-2025	699/QĐ-BCH, 01/4/2022	1.441	1.440	-	1.440	1.440
2	Dự án Cải tạo, nâng cấp Ban Chỉ huy Quân sự huyện Thạnh Trị	Thạnh Trị	7004686	2022-2024	697/QĐ-BCH, 01/4/2022	716	710	649	61	61
<b>VIII</b>	<b>Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh Sóc Trăng</b>					<b>13.500</b>	<b>12.430</b>	<b>11.896</b>	<b>532</b>	<b>63</b>
1	Cải tạo, nâng cấp nhà làm việc phòng Tham mưu, Trinh sát và khu huấn luyện thể thao Quân sự/ Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Sóc Trăng	TPST	7004686	2022-2024	2978/QĐ-UBND, 29/10/2021	8.000	7.320	6.951	368	34
2	Dự án Cải tạo nâng cấp Trạm kiểm soát Biên phòng Mỹ Thanh/ Đồn Biên phòng Bãi giá (638), tỉnh Sóc Trăng	Trần Đề	7004686	2022-2024	2979/QĐ-UBND, 29/10/2021	5.500	5.110	4.945	164	29
<b>X</b>	<b>Công an tỉnh Sóc Trăng</b>					<b>27.499</b>	<b>24.355</b>	<b>23.590</b>	<b>763</b>	<b>763</b>



TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Mã số dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2022	Số vốn kế hoạch đầu tư năm 2022 đã giải ngân đến hết ngày 31/01/2023	Số vốn kế hoạch năm 2022 đến hết ngày 31/01/2023 chưa giải ngân hết kế hoạch	Số vốn kế hoạch vốn năm 2022 chưa giải ngân và kéo dài thời gian thực hiện sang năm 2023
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư				
1	Hỗ trợ đối ứng San lấp mặt bằng trụ sở Công an tỉnh Sóc Trăng	TPST	7004692	2022-2024	3065/QĐ-UBND, 03/11/2021	25.000	22.125	21.435	689	689
2	San lấp mặt bằng Trụ sở và Doanh trại phòng Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy và Cứu hộ cứu nạn công an tỉnh Sóc Trăng	TPST	7004692	2022-2024	1629/QĐ-CAT, 01/4/2022	230	230	217	13	13
3	Trụ sở làm việc Công an tỉnh Sóc Trăng	TPST	7004692	2022-2025	3791/QĐ-CAT, 12/7/2022	2.269	2.000	1.938	61	61
<b>XI</b>	<b>UBND thành phố Sóc Trăng</b>					<b>130.000</b>	<b>50.000</b>	<b>179</b>	<b>49.821</b>	<b>49.821</b>
1	Dự án Đường từ Cầu Chữ Y đến đường Hùng Vương, thành phố Sóc Trăng	TPST	7911411	2022-2025	2974/QĐ-UBND, 29/10/2021	130.000	50.000	179	49.821	49.821



Phụ lục III

**DANH MỤC DỰ ÁN THUỘC KẾ HOẠCH NĂM 2022 KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN SANG NĂM 2023**

(Nguồn vốn Xổ số kiến thiết)

Kèm theo Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 27 tháng 02 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Đơn vị: Triệu đồng.

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Mã số dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2022	Số vốn kế hoạch đầu tư năm 2022 đã giải ngân đến hết ngày 31/01/2023	Số vốn kế hoạch năm 2022 đến hết ngày 31/01/2023 chưa giải ngân hết kế hoạch	Số vốn kế hoạch vốn năm 2022 chưa giải ngân và kéo dài thời gian thực hiện sang năm 2023
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư				
1	2	3	4	5	6	7	9	10	11	12
<b>TỔNG SỐ</b>							<b>379.519</b>	<b>331.892</b>	<b>47.613</b>	<b>46.181</b>
<b>A</b>	<b>NGÂN SÁCH TỈNH QUẢN LÝ</b>					<b>2.714.951</b>	<b>328.534</b>	<b>283.060</b>	<b>45.463</b>	<b>44.031</b>
<b>I</b>	<b>Ban Quản lý dự án 1</b>					<b>135.808</b>	<b>58.395</b>	<b>39.852</b>	<b>18.536</b>	<b>17.104</b>
1	Trường THPT Mỹ Xuyên	Mỹ Xuyên	7864496	2021-2023	4152/QĐ-UBND, 30/12/2020	20.000	9.295	6.462	2.832	2.200
2	Trường THPT Lương Định Của	Long Phú	7881328	2021-2023	1272/QĐ-UBND, 28/5/2021	25.000	17.685	15.942	1.743	1.200
3	Trường THPT Thiệu Văn Chỏi	Kê Sách	7914730	2022-2024	136/QĐ-BQLDA1, 21/3/2022	488	450	446	4	4
4	Trường THCS và THPT Tân Thạnh	Long Phú	7914729	2022-2024	138/QĐ-BQLDA1, 21/3/2022	188	170	153	16	16
5	Trường THPT An Ninh	Mỹ Tú	7953789	2022-2024	135/QĐ-BQLDA1, 21/3/2022	458	420	392	27	27
6	Trường THPT Phú Tâm	Châu Thành	7922847	2022-2024	137/QĐ-BQLDA1, 21/3/2022	578	540	385	154	154
7	Xây dựng, cải tạo, nâng cấp và mua sắm thiết bị cho các trường THPT: Thạnh Tân, Ngã Năm, Huỳnh Hữu Nghĩa, Nguyễn Khuyên; THCS và THPT Khánh Hòa, tỉnh Sóc Trăng	Thạnh Trị; Mỹ Tú; Vĩnh Châu; Ngã Năm	7953793	2022-2024	120/QĐ-BQLDA1, 18/3/2022	539	530	493	37	37
8	Trường THPT Vĩnh Hải	Vĩnh Châu	7923384	2022-2024	116/QĐ-BQLDA1, 18/3/2022	394	390	-	390	390
9	Trường THCS và THPT Hưng Lợi	Thạnh Trị	7911973	2022-2024	119/QĐ-BQLDA1, 18/3/2022	268	260	223	36	36



TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Mã số dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2022	Số vốn kế hoạch đầu tư năm 2022 đã giải ngân đến hết ngày 31/01/2023	Số vốn kế hoạch năm 2022 đến hết ngày 31/01/2023 chưa giải ngân hết kế hoạch	Số vốn kế hoạch vốn năm 2022 chưa giải ngân và kéo dài thời gian thực hiện sang năm 2023
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư				
10	Cải tạo các khối cho các trường THPT (Lịch Hội Thượng; Lai Hòa; Hòa Tú; Đoàn Văn Tô; Trần Văn Bảy; Mai Thanh Thế; Hoàng Diệu; THCS và THPT Trần Đề; THCS&THPT Mỹ Thuận) trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng	Trần Đề, Vĩnh Châu, Mỹ Xuyên, Cù Lao Dung, Ngã Năm, Mỹ Tú, Thạnh Trị	7914741	2022-2024	134/QĐ-BQLDA1, 21/3/2022	324	320	290	29	29
11	Sửa chữa, nâng cấp, Bổ sung trang thiết bị y tế chuyên dùng Trung tâm y tế huyện Thạnh Trị	Thạnh Trị	7924101	2022-2024	3076/QĐ-UBND, 03/11/2021	19.000	10.000	3.226	6.774	6.774
12	Sửa chữa, nâng cấp, Bổ sung trang thiết bị y tế chuyên dùng và thay thế thiết bị hết hạn sử dụng Bệnh viện 30 tháng 4, tỉnh Sóc Trăng	TPST	7914737	2022-2024	2971/QĐ-UBND, 29/10/2021	40.000	10.000	7.246	2.754	2.754
13	Xây dựng, nâng cấp và Bổ sung trang thiết bị y tế chuyên dùng Trung tâm Pháp y	TPST	7924099	2022-2024	3080/QĐ-UBND, 03/11/2021	5.000	4.750	2.212	2.537	2.537
14	Sửa chữa, nâng cấp, Bổ sung trang thiết bị y tế chuyên dùng và thay thế thiết bị hết hạn sử dụng Trung tâm y tế huyện Mỹ Tú	Mỹ Tú	7953790	2022-2024	672/QĐ-BQLDA1, 31/12/2021	797	790	309	481	481
15	Khu vui chơi triển lãm và hội chợ tỉnh Sóc Trăng	TPST	7767023	2020-2022	3150/QĐ-UBND, 30/10/2019	22.000	2.095	1.759	335	78
16	Đài phát thanh và truyền hình tỉnh Sóc Trăng	TPST	7953792	2022-2025	02/QĐ-BQLDA11, 11/01/2022	774	700	313	387	387
<b>II</b>	<b>Ban Quản lý dự án 2</b>					<b>2.263.965</b>	<b>183.119</b>	<b>160.439</b>	<b>22.677</b>	<b>22.677</b>
1	Hệ thống giao thông Đường huyện 90, Đường huyện 92 và Đường huyện 93, huyện Châu Thành	Châu Thành	7868339	2021-2023	4156/QĐ-UBND, 30/12/2020	58.100	22.390	21.232	1.158	1.158
2	Đường huyện 96, huyện Châu Thành	Châu Thành	7868338	2021-2022	4157/QĐ-UBND, 30/12/2020	52.150	20.320	18.680	1.639	1.639
3	Dự án Tuyến đường trục phát triển kinh tế Đông Tây tỉnh Sóc Trăng	Vĩnh Châu, Mỹ Xuyên, Thạnh Trị, Ngã Năm	7881020	2021-2025	1967/QĐ-UBND, 02/8/2020	2.000.000	86.189	75.123	11.065	11.065
4	Xây dựng mới 3 cầu 30/4, Na Tung (ĐT.932); Sóc Dâu (ĐT.933)	Châu Thành, Kế Sách, Long Phú	7868331	2021-2022	4161/QĐ-UBND, 30/12/2020	54.380	19.220	16.757	2.463	2.463
5	Xây dựng mới 4 cầu Viên Bình, Trà Môn, Lịch Hội Thượng, Hội Trung (ĐT.934)	Trần Đề	7868329	2021-2024	4138/QĐ-UBND, 30/12/2020	99.335	35.000	28.647	6.352	6.352





TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Mã số dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2022	Số vốn kế hoạch đầu tư năm 2022 đã giải ngân đến hết ngày 31/01/2023	Số vốn kế hoạch năm 2022 đến hết ngày 31/01/2023 chưa giải ngân hết kế hoạch	Số vốn kế hoạch vốn năm 2022 chưa giải ngân và kéo dài thời gian thực hiện sang năm 2023	
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư					
<b>III</b>	<b>UBND huyện Cù Lao Dung</b>						<b>79.993</b>	<b>20.280</b>	<b>20.092</b>	<b>188</b>	<b>188</b>
1	Nâng cấp, mở rộng Đường huyện 11 (lộ trung tâm xã An Thạnh Đông), huyện Cù Lao Dung	CLD	7864567	2021-2023	4176/QĐ-UBND, 30/12/2020	49.993	10.280	10.280	-		
2	Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện Cù Lao Dung	CLD	7912355	2022-2024	2976/QĐ-UBND, 29/10/2021	30.000	10.000	9.812	188	188	
<b>IV</b>	<b>UBND huyện Kế Sách</b>						<b>75.540</b>	<b>15.540</b>	<b>13.160</b>	<b>2.380</b>	<b>2.380</b>
1	Nâng cấp, mở rộng đường huyện 7 đoạn Na Tưng - Mỏ Neo, huyện Kế Sách	Kế Sách	7922511	2022-2024	3085/QĐ-UBND, 03/11/2021	75.000	15.000	12.651	2.349	2.349	
2	Nâng cấp, mở rộng đường huyện 4 (đoạn Thới An Hội - An Lạc Tây - Nam Sông Hậu)	Kế Sách	7923380	2022-2024	244/QĐ-UB(XDCB).21, 15/10/2021	540	540	509	31	31	
<b>V</b>	<b>UBND huyện Mỹ Tú</b>						<b>1.206</b>	<b>1.200</b>	<b>596</b>	<b>603</b>	<b>603</b>
1	Đường huyện 80, huyện Mỹ Tú	Mỹ Tú	7938943	2022-2025	244/QĐ-UBND, 22/02/2022	1.206	1.200	596	603	603	
<b>VI</b>	<b>UBND huyện Mỹ Xuyên</b>						<b>78.440</b>	<b>25.000</b>	<b>24.017</b>	<b>983</b>	<b>983</b>
1	Đường huyện 57 (đoạn 2), huyện Mỹ Xuyên	Mỹ Xuyên	7871086	2021-2023	4171/QĐ-UBND, 30/12/2020	78.440	25.000	24.017	983	983	
<b>VII</b>	<b>UBND huyện Thạnh Trị</b>						<b>79.999</b>	<b>25.000</b>	<b>24.904</b>	<b>96</b>	<b>96</b>
1	Đường huyện 67, huyện Thạnh Trị	Thạnh Trị	7867693	2021-2023	4172/QĐ-UBND, 30/12/2020	79.999	25.000	24.904	96	96	
<b>B</b>	<b>NGÂN SÁCH TỈNH TRỢ CẤP MỨC TIÊU CHO NGÂN SÁCH HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ</b>						<b>74.661</b>	<b>50.985</b>	<b>48.832</b>	<b>2.150</b>	<b>2.150</b>
<b>I</b>	<b>Huyện Kế Sách</b>						<b>10.000</b>	<b>9.000</b>	<b>8.857</b>	<b>143</b>	<b>143</b>
1	Nâng cấp, sửa chữa Đường huyện 1 (đoạn từ Quốc lộ Nam Sông Hậu đến UBND xã Phong Năm), huyện Kế Sách	Kế Sách	7911072	2022-2024	146/QĐ-UB(XDCB).21 30/7/2021	10.000	9.000	8.857	143	143	
<b>II</b>	<b>Huyện Mỹ Tú</b>						<b>29.961</b>	<b>18.000</b>	<b>17.884</b>	<b>114</b>	<b>114</b>
1	Trường tiểu học Thuận Hưng A, huyện Mỹ Tú	Mỹ Tú	7909189	2022-2024	3060/QĐ-UBND; 29/10/2021	14.979	9.000	8.923	76	76	
2	Trường tiểu học Phú Mỹ C, huyện Mỹ Tú	Mỹ Tú	7909188	2022-2024	3059/QĐ-UBND; 29/10/2021	14.982	9.000	8.961	38	38	
<b>III</b>	<b>Huyện Trần Đề</b>						<b>34.700</b>	<b>23.985</b>	<b>22.091</b>	<b>1.893</b>	<b>1.893</b>



TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Mã số dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2022	Số vốn kế hoạch đầu tư năm 2022 đã giải ngân đến hết ngày 31/01/2023	Số vốn kế hoạch năm 2022 đến hết ngày 31/01/2023 chưa giải ngân hết kế hoạch	Số vốn kế hoạch vốn năm 2022 chưa giải ngân và kéo dài thời gian thực hiện sang năm 2023
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư				
1	Xây dựng Trường Tiểu học Đại Ân 2A, huyện Trần Đề	Trần Đề	7900260	2021-2023	1783/QĐ-UBND, 28/5/2021	14.900	9.560	8.387	1.173	1.173
2	Trường Tiểu học Tài Văn 1, huyện Trần Đề	Trần Đề	7900251	2021-2023	1784/QĐ-UBND, 28/5/2021	14.800	9.700	9.130	570	570
3	Xây dựng Trạm Y tế xã Liêu Tú	Trần Đề	7911953	2022-2024	3499/QĐ-UBND; 28/10/2021	5.000	4725	4574	150	150





**Phụ lục IV**  
**DANH MỤC DỰ ÁN THUỘC KẾ HOẠCH NĂM 2022 KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN SANG NĂM 2023**

(Nguồn vốn Bội chi ngân sách)

(Kèm theo Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 27 tháng 02 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Đơn vị: Triệu đồng.

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Mã dự án	Ngày ký kết hiệp định	Số quyết định	Quyết định đầu tư							Kế hoạch vốn năm 2022	Số vốn kế hoạch đầu tư năm 2022 đã giải ngân đến hết ngày 31/01/2023	Số vốn kế hoạch năm 2022 đến hết ngày 31/01/2023 chưa giải ngân hết kế hoạch	Số vốn kế hoạch vốn năm 2022 chưa giải ngân và kéo dài thời gian thực hiện sang năm 2023
						TMDT										
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tính bằng nguyên tệ	Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)						
							Vốn đối ứng			Quy đổi ra tiền Việt						
							Tổng số	Trong đó: vốn NSTW		Tổng số	Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
	<b>TỔNG SỐ</b>												110.230	39.222	71.008	71.008
<b>I</b>	<b>Ban Quản lý dự án 1</b>					1.056.573	258.573	118.300		798.000	467.400	330.600	110.230	39.222	71.008	71.008
1	Mở rộng nâng cấp đô thị Việt Nam - Tiểu dự án TP. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.	TPST	7616437	29/06/2018	2756/QĐ-UBND, 27/10/2017	1.056.573	258.573	118.300	35 triệu USD	798.000	467.400	330.600	110.230	39.222	71.008	71.008



Phụ lục V

**DANH MỤC DỰ ÁN THUỘC KẾ HOẠCH NĂM 2022 KÉO DÀI THỜI GIẠN THỰC HIỆN SANG NĂM 2023**

(Nguồn vốn 30% tăng thu ngân sách cấp tỉnh năm 2020)

Kèm theo Nghị quyết số    /NQ-HĐND ngày 27 tháng 02 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Đơn vị: Triệu đồng.

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Mã số dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2022	Số vốn kế hoạch đầu tư năm 2022 đã giải ngân đến hết ngày 31/01/2023	Số vốn kế hoạch năm 2022 đến hết ngày 31/01/2023 chưa giải ngân hết kế hoạch	Số vốn kế hoạch vốn năm 2022 chưa giải ngân và kéo dài thời gian thực hiện sang năm 2023
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư				
1	2	3	4	5	6	7	9	10	11	12
	<b>TỔNG SỐ</b>						<b>17.769</b>	<b>11.993</b>	<b>5.775</b>	<b>5.775</b>
	<b>NGÂN SÁCH TỈNH QUẢN LÝ</b>					<b>21.729</b>	<b>17.769</b>	<b>11.993</b>	<b>5.775</b>	<b>5.775</b>
<b>I</b>	<b>Ban Quản lý dự án 1</b>					<b>16.600</b>	<b>12.640</b>	<b>8.794</b>	<b>3.845</b>	<b>3.845</b>
1	Nâng cấp cải tạo, sửa chữa Trung tâm Văn hóa và Hội nghị tỉnh Sóc Trăng	TPST	7953791	2022-2023	1244/QĐ-UBND, 10/5/2022	16.600	12.640	8.794	3.845	3.845
<b>II</b>	<b>Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh</b>					<b>5.129</b>	<b>5.129</b>	<b>3.199</b>	<b>1.930</b>	<b>1.930</b>
1	Mở rộng công trình Trụ sở Văn phòng Đoàn đại biểu quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng	TPST	7952863	2022-2023	1245/QĐ-UBND, 10/5/2022	5.129	5.129	3.199	1.930	1.930



Phụ lục VI

**DANH MỤC DỰ ÁN THUỘC KẾ HOẠCH NĂM 2022 KÉO DÀI THỜI GIẠN THỰC HIỆN SANG NĂM 2023**

(Nguồn vốn tăng thu ngân sách tỉnh năm 2021 từ kết dư năm 2020)

(Kèm theo Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 27 tháng 02 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Đơn vị: Triệu đồng.

TT	Chủ đầu tư/Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Mã số dự án đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2022	Số vốn kế hoạch đầu tư năm 2022 đã giải ngân đến hết ngày 31/01/2023	Số vốn kế hoạch năm 2022 đến hết ngày 31/01/2023 chưa giải ngân hết kế hoạch	Số vốn kế hoạch vốn năm 2022 chưa giải ngân và kéo dài thời gian thực hiện sang năm 2023
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	<b>TỔNG SỐ</b>					<b>942.556</b>	<b>38.000</b>	<b>33.398</b>	<b>4.602</b>	<b>4.602</b>
	<b>NGÂN SÁCH TỈNH QUẢN LÝ</b>					<b>942.556</b>	<b>38.000</b>	<b>33.398</b>	<b>4.602</b>	<b>4.602</b>
	<b>Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</b>					<b>942.556</b>	<b>38.000</b>	<b>33.398</b>	<b>4.602</b>	<b>4.602</b>
1	Tiểu dự án Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ chuyên đổi sản xuất phù hợp với điều kiện sinh thái, nâng cao sinh kế, thích ứng biến đổi khí hậu vùng Cù Lao Dung	CLD	7601007	2018-2022	2779/QĐ-UBND, 30/10/2017; 1960/QĐ-UBND, 20/7/2020	942.556	38.000	33.398	4.602	4.602



Phụ lục VII

**DANH MỤC DỰ ÁN THUỘC KẾ HOẠCH NĂM 2022 KÉO DÀI THỜI GIẠN THỰC HIỆN SANG NĂM 2023**

(Nguồn vốn tăng thu ngân sách tỉnh năm 2021 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới)

Kèm theo Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 27 tháng 02 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Mã số dự án đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật		Kế hoạch vốn năm 2022	Số vốn kế hoạch đầu tư năm 2022 đã giải ngân đến hết ngày 31/01/2023	Số vốn kế hoạch năm 2022 đến hết ngày 31/01/2023 chưa giải ngân hết kế hoạch	Số vốn kế hoạch vốn năm 2022 chưa giải ngân và kéo dài thời gian thực hiện sang năm 2023
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Bổ sung có mục tiêu cho ngân sách các huyện, thị xã					14.343	7.685	6.736	948	948
<b>I</b>	<b>Thị xã Vĩnh Châu</b>					5.284	2.515	2.296	218	218
1	Nâng cấp lộ Phú Yết	Xã Vĩnh Hải	7975583	2022 -2024	1444/QĐ-UBND ngày 22/6/2022	5.284	2.515	2.296	218	218
<b>II</b>	<b>Huyện Mỹ Tú</b>					2.566	2.202	2.149	53	53
1	Đường kênh Thầy Bảy	Xã Mỹ Phước	7971892	2022 -2023	2407/QĐ-UBND ngày 11/7/2022	2.566	2.202	2.149	53	53
<b>III</b>	<b>Huyện Châu Thành</b>					6.493	2.968	2.291	677	677
1	Nâng cấp các tuyến đường và hệ thống thoát nước trung tâm chợ huyện Châu Thành	Thị trấn Châu Thành	7975248	2022 -2023	298/QĐ-UBND ngày 08/7/2022	6.493	2.968	2.291	677	677



Phụ lục VIII

**DANH MỤC DỰ ÁN THUỘC KẾ HOẠCH NĂM 2022 KÉO DÀI THỜI GIẠN THỰC HIỆN SANG NĂM 2023**

(Nguồn vốn xổ số kiến thiết thu vượt dự toán năm 2021)

(Kèm theo Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 27 tháng 02 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Đơn vị: Triệu đồng.

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Mã số dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2022	Số vốn kế hoạch đầu tư năm 2022 đã giải ngân đến hết ngày 31/01/2023	Số vốn kế hoạch năm 2022 đến hết ngày 31/01/2023 chưa giải ngân hết kế hoạch	Số vốn kế hoạch vốn năm 2022 chưa giải ngân và kéo dài thời gian thực hiện sang năm 2023
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	<b>TỔNG SỐ</b>						114.647	85.524	29.122	29.122
	<b>NGÂN SÁCH TỈNH QUẢN LÝ</b>					238.896	114.647	85.524	29.122	29.122
	<b>Ban Quản lý dự án 2</b>					238.896	114.647	85.524	29.122	29.122
1	Hệ thống hạ tầng kỹ thuật Khu dịch vụ và cư xá công nhân Khu công nghiệp An Nghiệp, tỉnh Sóc Trăng	TPST	7960799	2022-2025	3007/QĐ-UBND, 07/11/2022	238.896	114.647	85.524	29.122	29.122



Phụ lục IX

**DANH MỤC DỰ ÁN THUỘC KẾ HOẠCH NĂM 2022 KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN SANG NĂM 2023**

(Nguồn vốn xổ số kiến thiết thu vượt dự toán năm 2021)

Kem theo Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 27 tháng 02 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Đơn vị: Triệu đồng.

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Mã số dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2022	Số vốn kế hoạch đầu tư năm 2022 đã giải ngân đến hết ngày 31/01/2023	Số vốn kế hoạch năm 2022 đến hết ngày 31/01/2023 chưa giải ngân hết kế hoạch	Số vốn kế hoạch vốn năm 2022 chưa giải ngân và kéo dài thời gian thực hiện sang năm 2023
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	<b>TỔNG SỐ</b>						<b>4.928</b>	<b>4.378</b>	<b>550</b>	<b>550</b>
	<b>NGÂN SÁCH TỈNH HỖ TRỢ CÓ MỤC TIÊU CHO NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN</b>					<b>14.961</b>	<b>4.928</b>	<b>4.378</b>	<b>550</b>	<b>550</b>
<b>I</b>	<b>UBND huyện Mỹ Tú</b>					<b>14.961</b>	<b>4.928</b>	<b>4.378</b>	<b>550</b>	<b>550</b>
1	Nhà làm việc các Ban xây dựng Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các Đoàn thể huyện Mỹ Tú	Mỹ Tú	7961359	2022-2024	2590/QĐ-UBND, 04/8/2022	14.961	4.928	4.378	550	550